TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 25-7-2025
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Vinh, ông Lò Văn Quốc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản P, xã M (trước là xã MS, huyện Q), tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản Thẳm, xã TC (trước là xã T, huyện TC), tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Quàng Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Sại (trước là xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Quàng Thị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010; cháu Lò Thị Tr, sinh ngày 08/7/2012. Hiện tại cháu Lò Văn D ở với chị Quàng Thị S, cháu Lò Thị Tr ở với anh Lò Văn K.

Chị Quàng Thị S có nơi cư trú ổn định. Chị Quàng Thị S trồng trọt, chăn nuôi, thu nhập bình hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Chị Quàng Thị S có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Chị Quàng Thị S đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn D và đề nghị anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị Tr.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị S cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 16/6/2025, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Son đã giao nộp, chị Son không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2025 tại bản Thẳm, xã Thuận Châu (trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La, chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Mường Sại (trước là xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai), tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện nay chị Son và anh Kiểm đã sống ly thân. Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010; cháu Lò Thị Tr, sinh ngày 08/7/2012. Hiện tại cháu Lò Văn D ở với chị Quàng Thị S, cháu Lò Thị Tr ở với anh Lò Văn K. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Thị Tr có nguyện vọng là ở với bố. Cháu Lò Văn D có nguyện vọng là ở với mẹ.

Chị Quàng Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Son giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Lò Văn K đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân khu vực 2-

Sơn La. Anh Lò Văn K không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị S được ly hôn anh Lò Văn K.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010 cho chị Quàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lò Thị Tr, sinh ngày 08/7/2012 cho anh Lò Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị S theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị S yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn K có địa chỉ tại bản Thẳm, xã Thuận Châu (trước là xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu), tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Quàng Thị S, bị đơn anh Lò Văn K: Nguyên đơn chị Quàng Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lò Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 25/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Sại (trước là xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai), tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Son cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn K.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Son và anh Kiểm lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Quàng Thị S được ly hôn anh Lò Văn K. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K có 02 (hai) con chung là cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010 và cháu Lò Thị Tr, sinh ngày 08/7/2012. Hiện tại cháu Lò Văn D ở với chị Quàng Thị S, cháu Lò Thị Tr ở với anh Lò Văn K.

Chị Quàng Thị S đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn D và đề nghị anh Lò Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Thị Tr.

Chị Son, anh Kiểm đều có nơi cư trú ổn định, trồng trọt, chăn nuôi, có thu nhập. Chị Son, anh Kiểm có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Lò Thị Tr có nguyện vọng là ở với bố; cháu Lò Văn D có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010 cho chị Quàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Thị Tr, sinh ngày 08/7/2012 cho anh Lò Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Quàng Thị S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25 tháng 6 năm 2025; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị S được ly hôn anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/12/2010 cho chị Quàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lò Thị Tr,

sinh ngày 08/7/2012 cho anh Lò Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Quàng Thị S và anh Lò Văn K không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị S.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị S, anh Lò Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng